**Ngày soạn: 22/11/2024 Tiết PPCT: 32**

**TÊN BÀI DẠY: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 1**

Thời gian thực hiện: 01 (tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống hoá các kiến thức trong chương 1.

- HS thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa trong tập hợp số tự  
nhiên.

- Vận dụng được tính chất chia hết, dấu hiệu chia hết cho 2,3,5,9, số nguyên tố, hợp số, ƯCLN, BCNN vào làm bài tập.

- Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS biết trình bày, diễn đạt ý tưởng, tương tác tích cực với các thành viên trong nhóm khi thực hiện nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: Trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận trong sự tương tác với bạn cùng nhóm và trước lớp.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, nhận biết được vấn đề cần giải quyết, thực hiện được việc lập luận hợp lí khi giải quyết các bài tập thực tế.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách chủ động, tích cực, tự giác.

- Trung thực: khách quan, công bằng, đánh giá chính xác bài làm của mình, của bạn, của nhóm mình và nhóm bạn.

- Trách nhiệm: có ý thức hoàn thành công việc của nhóm và GV giao.

\* HSKT: Biết đọc và viết số tự nhiên.

- Thực hiện đúng thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức có ngoặc, không có ngoặc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** Máy chiếu, phiếu học tập.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**A. Hoạt động Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú, gợi động cơ học sinh tìm hiểu kiến thức bài ôn tập chương I.

**b) Nội dung:**

- HS hoàn thiện phiếu học tập số 1 theo nhóm.

**c) Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy tóm tắt các kiến thức cơ bản của chương I.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 HS hoàn thiện sơ đồ tư duy tóm tắt kiến thức chương I.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận theo nhóm hoàn thiện sơ đồ tư duy trên phiếu học tập số 1.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV thu phiếu học tập của các nhóm, chọn nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét phần trình bày của nhóm HS, nhận xét câu trả lời bổ sung của các nhóm, chốt lại nội dung, đánh giá sự hoàn thành của các nhóm.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: Sơ đồ tư duy các em vừa hoàn thành chính là các nội dung cơ bản mà các em đã tìm hiểu trong chương I. Để hệ thống hoá lại các kiến thức đã học trong chương I chúng ta cùng nghiên cứu bài học ngày hôm nay. | Phiếu học tập số 1. |

**B. Hoạt động: Ôn tập kiến thức**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS tái hiện, củng cố lại các kiến thức cơ bản đã học ở chương I

- HS thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa trong tập hợp số tự nhiên.

**b) Nội dung:**

- HS chơi trò chơi “Vòng quay may mắn”.

- Làm các bài tập 1, 2, 3, 7 (SGK – 59)

**c) Sản phẩm:**

- Đáp án các câu hỏi của phần trò chơi.

- Đáp án, lời giải các bài tập 1, 2, 3, 7 (SGK – 59)

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Thông báo luật trò chơi: “Vòng quay may mắn”  - Gv quay “vòng quay may mắn” chọn Hs trả lời câu hỏi, chiếu câu hỏi lên slide trình chiếu cho HS trả lời.  Câu 1: Viết tập hợp dưới dạng chỉ ra tính chất đặc trưng là:          Câu 2: Tính giá trị của lũy thừa  ta được:    Câu 3:  Cho các số:    Khẳng định đúng là:   Các số chia hết cho  là và.   Các số chia hết cho là.  Các số chia hết cho  là  Không có số nào chia hết cho.  Câu 4: Từ ba trong bốn số ghép thành số có ba chữ số khác nhau và số lớn nhất chia hết cho 2 và 5 là:                   Câu 5: Trong các số, số nào chia hết cho 3?              Cả 3 số trên  Câu 6: Kết quả phân tích số 18 ra thừa số nguyên tố là:           Câu 7: Biết rằng   chia hết cho và 9. Khi đó các số tự nhiên x, y là:      Câu 8: Khẳng định nào sau đây sai?  A. Số 0 và  không phải là số nguyên tố cũng không phải là hợp số.   Cho số , nếu có  ước thì a là hợp số.  C. Số 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất.   Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn  mà chỉ có hai ước  và chính nó.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS tham gia trò chơi tích cực, nhiệt tình.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV chọn HS tham gia trò chơi bằng “vòng quay may mắn”.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS (Hs trả lời đúng mỗi câu hỏi được 10 điểm). | **Đáp án:**  Câu  Câu  Câu  Câu  Câu  Câu  Câu  Câu |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Nêu thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức không chứa dấu ngoặc, trong biểu thức chứa dấu ngoặc?  - Làm bài tập 1 (SGK – 59)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Nhắc lại về thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức không chứa dấu ngoặc, trong biểu thức chứa dấu ngoặc:  \*Đối với biểu thức không có dấu ngoặc  - Khi biểu thức chỉ có các phép cộng và trừ (hoặc chỉ có các phép nhân và chia), ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.  - Khi biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính phép nhân và chia trước, rồi đến phép cộng và trừ.  - Khi biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên luỹ thừa ta thực hiện phép tính nâng lên luỹ thừa trước, rồi đến nhân và chia, cuối cùng đến cộng và trừ.  \* Đối với biểu thức có dấu ngoặc:  Khi biểu thức có chưa dấu ngoặc, ta thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc trước.  Nếu các biểu thức có chứa các dấu ngoặc: thì thứ tự thực hiện các phép tính như sau:    - Thảo luận theo bàn làm bài 1 (SGK – 59)  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV gọi 4 Hs lên bảng trình bày lời giải.  - Các nhóm HS khác theo dõi, nhận xét, bổ xung, đặt các câu hỏi cho nhóm HS vừa trình bày  - Hs trình bày giải đáp (nếu có thể)  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Giải đáp các vướng mắc mà HS nêu ra.  - Giáo viên chốt kiến thức, đánh giá bài làm của Hs | **Dạng 1: Thứ tự thực hiện phép tính.**  **Bài 1 (SGK – 59):** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Nêu khái niệm về số nguyên tố, hợp số?  - Để chứng tỏ số nguyên a lớn hơn 1 là hợp số ta làm như thế nào?  - Làm bài tập 2 (SGK – 59)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Nêu lại khái niệm về số nguyên tố, hợp số.  - Để chứng tỏ số nguyên a lớn hơn 1 là hợp số ta chỉ cần tìm 1 ước của a khác 1 và khác a  - Hoạt động cá nhân làm bài 2 (SGK – 59)  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV gọi một HS lên bảng trình bày lời giải.  - HS dưới lớp lắng nghe, theo dõi, nhận xét, bổ xung, đặt các câu hỏi cho HS vừa trình bày  - HS trình bày giải đáp (nếu có thể)  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Giải đáp các vướng mắc mà HS nêu ra.  - Giáo viên chốt kiến thức.  ngoài ước là 1 và chính nó còn có ước là 5 nên a là hợp số.  ngoài ước là 1 và chính nó còn có ước là 2 nên a là hợp số. | **Dạng 2: Các bài toán về tập hợp.**  **Bài 2 (SGK – 59):**    với  với |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - Nêu cách kí hiệu, cách viết một tập hợp?  - Làm bài tập 7 (SGK – 59)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - Nêu lại cách kí hiệu, cách viết một tập hợp:  + Tên tập hợp được viết bằng chữ cái in hoa như: A, B, C,…  + Các phần tử của một tập hợp được viết trong hai dấu ngoặc nhọn { }, ngăn cách nhau bởi dấu “;”.  + Mỗi phần tử được liệt kê một lần, thứ tự liệt kê tùy ý.  + Có hai cách cho một tập hợp:  1. Liệt kê các phần tử của tập hợp.  2. Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.  - Hoạt động cá nhân làm bài 7 (SGK – 59)  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV gọi một HS lên bảng trình bày lời giải.  - HS dưới lớp theo dõi, nhận xét, bổ xung, đặt các câu hỏi cho HS vừa trình bày  - HS trình bày giải đáp (nếu có thể)  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Giải đáp các vướng mắc mà HS nêu ra.  - Giáo viên giới thiệu thêm một số kiến thức về hệ mặt trời: Hệ Mặt Trời (hay Thái Dương Hệ) là một hệ hành tinh có Mặt Trời ở trung tâm và các thiên thể nằm trong phạm vi lực hấp dẫn của Mặt Trời4 hành tinh nhỏ vòng trong gồm: Sao Thủy, Sao Kim, Trái Đất và Sao Hỏa - người ta cũng còn gọi chúng là các hành tinh đá do chúng có thành phần chủ yếu từ đá và kim loại. 4 hành tinh khí khổng lồ vòng ngoài có khối lượng lớn hơn rất nhiều so với 4 hành tinh vòng trong. Hai hành tinh lớn nhất, Sao Mộc và Sao Thổ có thành phần chủ yếu từ heli và hiđrô; và hai hành tinh nằm ngoài cùng, Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương có thành phần chính từ băng, như nước, amoniac và mêtan,.. | **Bài 7 (SGK – 59):**  a) A = {Sao Thuỷ; Sao Kim; Trái Đất; Sao Hoả; Sao Mộc; Sao Thổ; Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương}.  b) Kích thước của tám hành tinh trong Hệ Mặt Trời theo thứ tự tăng dần:  Sao Thuỷ < Sao Hỏa < Sao Kim < Trái Đất < Sao Hải Vương < Sao Thiên Vương < Sao Thổ < Sao Mộc.  c) B = {Sao Thuỷ; Sao Hỏa; Sao Kim; Trái Đất}  C = {Sao Hải Vương; Sao Thiên Vương; Sao Thổ; Sao Mộc}. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5:**  - Nêu lại khái niệm phân tích một số ra thừa số nguyên tố?  - Thông thường có mấy cách viết một số ra thừa số nguyên tố? Đó là những cách nào?  - Làm bài tập 3 (SGK – 59)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5:**  - Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố là viết số đó dưới dạng một tích các thừa số nguyên tố.  - Thông thường có hai cách viết một số ra thừa số nguyên tố. Đó là “rẽ nhánh” và “theo cột dọc”.  - Hoạt động nhóm bàn làm bài 3 (SGK – 59) vào phiếu học tập số 2.  **\* Báo cáo, thảo luận 5:**  - GV đưa ra đáp án chính xác, cho biểu điểm từng câu.  - Các nhóm đổi chéo bài, chấm bài theo biểu điểm của GV.  - GV chọn một vài bài còn mắc sai sót, phân tích và chữa bài cho HS.  **\* Kết luận, nhận định 5:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 3: Số nguyên tố, phân tích ra thừa số nguyên tố.**  **Bài 3 (SGK – 59):** |

**C. Hoạt động: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS kết nối các kiến thức đã học, nâng cao kĩ năng giải toán và năng lực tư duy.

**b) Nội dung:**

- Làm các bài tập .

**c) Sản phẩm:**

- Đáp án, lời giải các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Thế nào là ước chung? Ước chung lớn nhất của hai số a và b? Nêu cách tìm ƯCLN bằng cách phân tích ra thừa số nguyên tố?  - Thế nào là bội chung? Bội chung nhỏ nhất của hai số a và b? Nêu cách tìm BCNN bằng cách phân tích ra thừa số nguyên tố?  - Cho lớp kê lại bàn ghế để tạo khoảng trống và kê ra 3 bàn đại diện cho 3 trạm.  - GV: Tổ chức cho HS chơi trò chơi “Chuyến tàu tri thức”. Có 3 trạm, ứng với mỗi trạm là một yêu cầu. Các đội chơi được phát một giấy A3 và xuất phát từ các trạm khác nhau, lần lượt thực hiện các câu hỏi với thời gian tại mỗi trạm là 2 phút. Hết 2 phút các đội di chuyển sang trạm kế tiếp theo chiều kim đồng hồ.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS nêu lại thế nào là ước chung, ƯCLN, cách tìm ƯCLN, bội chung, BCNN, cách tìm BCNN.  - Kê bàn ghế.  - Làm bài tập 4 và 5 theo đội.  - HS quan sát kết quả của các đội, nêu câu hỏi phản biện.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Lần lượt hai HS trả lời câu hỏi ôn tập lại kiến thức về ƯCLN, BCNN, HS khác theo dõi nhận xét, bổ sung.  - Sau khi các đội kết thúc chuyến tàu bằng cách thông qua cả 3 trạm thì GV treo sản phẩm của HS lên bảng sau đó cùng cả lớp kiểm tra.  - HS trả lời các câu hỏi phản biện của HS. GV chốt lại.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa lời giải, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đội. | **Bài 4 (SGK – 59)**    ƯCLN    ƯCLN  và  ƯCLN  **Bài 5 (SGK – 59)**      và |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV chiếu đề bài bài 8 lên bảng, cho HS nghiên cứu đề bài, phân tích các dữ liệu của đề bài.  - Yêu cầu HS tóm tắt bài toán.  - Yêu cầu HS làm bài tập 8 theo nội dung trong phiếu học tập số 3.  - Nêu các biện pháp để tiết kiệm điện?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc và tóm tắt đề bài.  - Làm bài tập 8 trong phiếu học tập.  - Các biện pháp tiết kiệm điện:  + Tận dụng tối đa nguồn ánh sáng tự nhiên.  + Thay đổi bóng đèn thắp sáng sang dùng đèn Led.  + Rút phích cắm tất cả các thiết bị không sử dụng.  + Thay thế các thiết bị điện cũ….  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV đại diện nhóm làm nhanh nhất lên bảng trình bày lời giải.  - HS dưới lớp theo dõi, nhận xét và nêu các câu hỏi phản biện.  - HS trình bày giải đáp ( nếu có thể )  **\* Kết luận, nhận định**  - GV chính xác hóa lời giải, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các nhóm. | **Bài 8 (SGK – 60)**  Số tiền điện gia đình bác Vân phải trả trong tháng 2 năm 2019 là:    (đồng)  Số tiền điện gia đình bác Vân phải trả trong tháng 4 năm 2019 là:    (đồng)  Số tiền phải trả tăng lên là:  (đồng)  Vậy số tiền phải trả tăng lên đồng. |

**D. Hoạt động: Vận dụng.**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

- Làm bài tập bổ sung có nội dung thực tế.

**c) Sản phẩm:**

- Đáp án, lời giải bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS làm bài tập: Bác Trường có một mảnh vườn hình chữ nhật rộng để trồng thanh long. Năm trước, bác Trường thấy trung bình mỗi mét vuông vườn thu được  thanh long, mỗi kilôgam thanh long lãi được  đồng. Bởi vậy, đầu năm nay bác quyết định mở rộng diện tích mảnh vườn để tăng sản lượng thu hoạch với mong muốn thu được lãi nhiều hơn năm trước.  a) Năm trước bác Trường thu được bao nhiêu kilôgam thanh long và lãi được bao nhiêu tiền?  b) Đầu năm nay, bác Trường mở rộng mảnh vườn bằng cách tăng đồng thời chiều dài lên  lần và chiều rộng lên  lần. Hỏi diện tích mảnh vườn của bác Trường sau khi mở rộng là bao nhiêu?  c) Biết rằng bác Trường vẫn trồng giống thanh long cũ và giá thanh long không thay đổi, hỏi năm nay khối lượng thanh long và số tiền lãi dự kiến là bao nhiêu?  - Tóm tắt bài toán?  - Năm trước bác Trường thu được bao nhiêu kilôgam thanh long và lãi được bao nhiêu tiền?  - Tính diện tích mảnh vườn của bác Trường sau khi mở rộng?  - Tính khối lượng thanh long và số tiền lãi dự kiến năm nay bác Trường thu được?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Tóm tắt:    thu được thanh long.  thanh long lãi  đồng.  a) Tính số kg thanh long và số lãi năm trước?  b) Tính diện tích vườn sau khi mở rộng?  c) Tính số kg thanh long và số lãi năm nay?  - HS sử dụng kiến thức về phép nhân để làm bài tập.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 3 HS lần lượt lên bảng viết lời giải câu a, câu b và câu c.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét, chữa bài.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa lời giải, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các nhóm. | **Bài tập bổ sung 1:**  a) Năm ngoái bác Trường thu được số kilôgam thanh long là:    Số tiền lãi bác Trường thu được là:  (đồng)  b) Diện tích mảnh vườn của bác Trường sau khi mở rộng là:    c) Năm nay bác Trường dự kiến thu được số kilôgam thanh long là:    Số tiền lãi bác Trường dự kiến thu được là:  (đồng) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Chiếu slide bài tập: Cô Châu trồng một vườn hoa ly. Biết rằng, nếu trồng theo hàng 4, hàng 5, hàng 6 đều thiếu 1 cây nhưng trồng theo hàng 7 thì vừa đủ. Biết số cây hoa ly chưa đến 300. Tính số cây hoa ly được trồng trong vườn cô Châu.  - Yêu cầu HS nghiên cứu đề bài, tóm tắt bài toán.  - Yêu cầu HS làm bài trên phiếu học tập số 5.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS đọc và tóm tắt bài toán.  - HS sử dụng kiến thức về BCNN để hoàn thiện lời giải bài toán trên phiếu học tập.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV công bố đáp án.  - HS dưới lớp theo dõi, đổi bài chấm chéo.  - GV lấy một số bài HS còn nhầm lẫn, sai sót phân tích chỉ rõ sai sót cho HS.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét việc tham gia thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. | **Bài tập bổ sung 2:**  Gọi số cây hoa ly được trồng trong vườn cô Châu là  (cây)  Vì trồng theo hàng 4, hàng 5, hàng 6 đều thiếu 1 cây nên ta có:    và  (Vì )  Ta có:    Vì  nên    Do trồng theo hàng 7 thì vừa đủ nên    Vậy số cây hoa ly được trồng trong vườn cô Châu là 119 cây. |

**Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Xem lại các bài tập đã chữa.

- Làm các bài tập: Một số sách khi xếp thành từng bó 10 cuốn, 12 cuốn, 15 cuốn, 18 cuốn đều vừa đủ bó. Biết số sách trong khoảng từ 200 đến 500. Tính số sách đó?

- HS khá giỏi làm thêm ý d bài tập bổ sung 1:

d) Giả sử, năm nay bác Trường tăng chiều dài mảnh vườn lên  lần, tăng chiều rộng mảnh vườn lên  lần . Em hãy dự đoán diện tích mảnh vườn bác Trường tăng lên bao nhiêu lần và dự kiến số tiền lãi thu được trong năm nay theo  và .

- Đọc trước bài “Số nguyên âm”